TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 594/2023/DS-PT
Ngày: 30-11-2023
V/v tranh chấp: "Hợp vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Trần Thị Kim Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 789/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Do quen biết nên ngày 01/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2022 dương lịch) bà có cho bà Lê Thị Ngọc D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa

thuận 5%/tháng, thỏa thuận ngày 20/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 15/9/2022 dương lịch) bà D sẽ trả tiền cho bà. Bà D tự viết biên nhận và ký tên. Hết thời hạn trả tiền bà D vẫn chưa trả cho bà được khoản tiền vốn lãi nào.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc D trả số tiền nợ 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với lời trình bày của bà D trong bản tự khai ngày 12/4/2023 là chỉ vay số tiền 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà đã đưa đủ cho bà D số tiền 200.000.000 đồng nên bà D mới viết biên nhận cho bà.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Từ năm 2019 bà có vay tiền của bà Phạm Thị N nhiều lần, tổng số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Do dịch bệnh kéo dài nên bà chỉ đóng tiền lãi được vài tháng thì ngưng không trả nữa. Đến ngày 01/8/2022 bà N cộng tiền nợ gốc và lãi thành số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu bà viết biên nhận. Giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 là do bà tự viết và ký tên, nhưng thực tế số tiền nợ gốc chỉ có 50.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền vốn là 50.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng. Do kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền lãi mà bà đã trả thì bà không nhớ số tiền bao nhiêu và không có chứng cứ chứng minh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị N số tiền nợ 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/6/2023, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét lại số tiền vay và lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà không đồng ý trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1. Bà N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc D thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Trong năm 2022 bà Phạm Thị N có cho bà Lê Thị Ngọc D vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 5%/tháng, thời hạn đến 15/9/2022 (nhằm 20/8/2022 âm lịch). Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là biên nhận ngày 01/8/2022, án sơ thẩm xác định giữa bà Phạm Thị N và bà Lê Thị Ngọc D xác lập hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

Theo thỏa thuận đến ngày 15/9/2022 bà D có nghĩa vụ trả số tiền vốn cho bà N nhưng bà D không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận, mặc dù phía bà N đã nhiều lần đòi. Do đó, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà N nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà D trả số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc D, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa bà Phạm Thị N và bà Lê Thị Ngọc D, thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2022 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Bà D thừa nhận có nợ của bà N số tiền 200.000.000 đồng và ký tên vào biên nhận ngày 01/8/2022, nên có cơ sở xác định bà D còn nợ bà N số tiền 200.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà D cho rằng bà chỉ vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng vốn do bà nợ tiền lãi nên bà N cộng vốn và lãi nhập vào thành 200.000.000 đồng, nên bà không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bị đơn không có cơ sở vì bà D không chứng minh được việc biên nhận ngày 01/8/2022 có lãi nhập vốn. Đồng thời, phía nguyên đơn bà Phạm Thị N không thừa nhận, mà bà D không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà D là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà D nên bà D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Buộc bà Lê Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị N số tiền là 200.000.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị N cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026046 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0025754 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy